

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)
Anh Văn 8 – TUẦN 5 (20/9/2021 đến 24/9/2021)

Hoạt động 1: Đọc Unit 8: Country Life and City Life và thực hiện các yêu cầu		
NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	Câu hỏi học sinh
Nội dung 1: Listen and read. (tr 72/73) Từ vựng	1. Relative (n) bà con, họ hàng 2. Permanent (a) mãi mãi, vĩnh cửu, lâu dài # impermanent (a) tạm thời nhất thời mote area (n) nơi xa xôi 6. Facility (n) cơ sở vật chất → Medical facilities (n) phương tiện y tế Accessible (a) có thể sử dụng , có thể tiếp cận Province (n) tỉnh, địa phận Definitely (adv) một cách rõ ràng, chắc chắn Offer (v) cung cấp, dâng tặng Simple (a) đơn giản, giản dị	
Nội dung 2: Listen(tr 74)	7. Hold on a moment : chờ máy 1 chút	
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học		
NỘI DUNG	HỌC SINH TRẢ LỜI	Câu hỏi học sinh
Nội dung 1: a/ Đọc đoạn đối thoại tr 72 và trả lời phần 2/ 73	A. Đọc đoạn đối thoại tr 63,64 và trả lời phần 2/ 64 a/ Na has been to the countryside. b/ She was there for the weekend. c/ d/ e/ f/ B. Dịch bài đối thoại sang tiếng Việt trong vở bài học.	
Nội dung 2: Listentrang 74	- Hs cố gắng nghe cuộc nói chuyện điện thoại giữa Lan và Dì Hằng để điền vào những chỗ trống. KEY: (1) that (2) this (3) It's (4) Where (5) from? (6) coming (7) week (8) arriving (9) Thursday. (10) late (11) afternoon. (12) speak (13) my (14) get	

Anh Văn 8 – TUẦN 6 (11/10/ 2021 đến 15 /10 /2021)

Hoạt động 1: Đọc phần READ Unit 8: và thực hiện các yêu cầu		
NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	Câu hỏi HS
Nội dung 1: Read. (tr 75) Từ vựng	1. Rural (a) nông thôn, vùng quê 2. Well-paying job (n) công việc được trả lương cao 3. Plentiful a) phong phú, sung túc 4. Struggle (v) (n) chiến đấu / cuộc đấu tranh 5. Typhoon (n) trận bão lớn 6. Flood (n) lũ, lụt 7. Drought (n) hạn hán 8. Increase (v) gia tăng 9. Population (n) dân số 10. Overcrowding (n) dân cư đông đúc. 11. Tragedy # comedy (n) bi kịch # hài kịch 12. Urban (n) đô thị 13. Apart (adv) tách rời	
Nội dung 2: Language focus	(HS cần ôn lại cách so sánh đã học ở lớp 7) 1. So sánh hơn của tính từ và trạng từ A. <u>short Adj -ER</u> - Hot => hotter - Small => smaller - big => bigger - happy => happier B. <u>More + long Adj</u> - Beautiful => more beautiful - Expensive => more Expensive 2. So sánh nhất của tính từ và trạng từ A. <u>The - short Adj -EST</u> - Hot => the hottest - cold => the coldest - fast => the fastest - tall => the tallest B. <u>The most - long Adj</u> - Interesting => the most interesting - Difficult => the most difficult 3. The present progressive tense.	
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học		
NỘI DUNG	HỌC SINH TRẢ LỜI	Câu hỏi HS
ND 1: Read. (tr 75)	- HS đọc dịch bài đọc sang tiếng Việt, sau đó tóm tắt nội dung để điền vào ô trống của đoạn văn 1 trang 75 SGK. (1) leaving (2) home (3) (4)	
ND 2: Language focus	- Sử dụng thì HTTD chia động từ cho bài tập 2 trang 78 SGK . - Sử dụng công thức so sánh làm bài tập số 5 trang 79 SGK.	